

Bản án số: **50/2023/HS-PT**

Ngày: 12 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo: Vũ Nguyễn Huyền T, sinh ngày 17/7/2002, tại Bình Phước; tên gọi khác: G; nơi cư trú: Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hồng T1, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; bị cáo có 01 người con sinh ngày 18/7/2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2022 đến ngày 15/12/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 2001 (có mặt);

2. Lê Thị Hương T2, sinh năm 2001 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Hồng T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T3, sinh năm 2000 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
2. Bạch Thị Thùy M, sinh năm 1999 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Nguyễn Huyền T và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 13/10/2000 cư trú tại ấp F, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là bạn của nhau. Do có mâu thuẫn nên Lê Thị Thúy N hẹn Nguyễn Thị Vân A ra nói chuyện. Khoảng 10 giờ, ngày 05/5/2021 T đi cùng Vân A đến gặp N tại khu vực đường nhựa sau quán Karaoke “7777” thuộc khu phố N, thị trấn L, tại đây sau khi lời qua tiếng lại, T và N đã đánh nhau nhưng không ai bị thương tích gì và các bên về nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T sử dụng tài khoản Facebook cá nhân của T nhắn tin cho N qua ứng dụng Messenger hẹn “09 giờ sáng mai gặp nhau nói chuyện”, N đồng ý.

Khoảng 08 giờ ngày 06/5/2021, N và T nhắn tin hẹn gặp nhau tại lô cao su Làng D thuộc ấp D, xã L, huyện L. Lúc này anh Nguyễn Thanh T4 (chồng T) chở T và con trai đến nhà ông Vũ Hồng T1 (bố ruột của T) rồi anh T4 đi làm, khi tới nhà ông T1, T mượn xe mô tô Vision màu xanh, biển số 93F1-461.65 của ông T1 nói đi công việc và chở con đi đến quán cà phê “5555” thì gặp chị Bạch Thị Thùy M (là dì của T). Trong lúc ngồi chơi, T kể với chị M việc mình bị đánh và nói chị M ở lại đi cùng T đến nói chuyện với N thì chị M đồng ý. Khoảng 15 phút sau, Vân A cũng điều khiển xe mô tô đến quán cà phê “5555” Trần nói Vân A đi cùng T để gặp N nói chuyện. Lúc này, T đi vào khu vực nhà kho của quán cà phê “5555” lấy một con dao dài khoảng 60cm lưỡi dao bằng kim loại, cán bằng gỗ để trước gác ba ga xe mô tô Vision, biển số 93F1-461.65. Thấy vậy, M và Vân A can ngăn nhưng T vẫn mang theo và nói “*chỉ mang đi phòng hờ*” rồi điều khiển xe chở M, Vân A đến khu vực lô cao su Làng D.

Đối với Lê Thị Thúy N, sáng ngày 06/5/2021 N điều khiển xe mô tô SH Mode, biển số 93F1-498.24 đi qua nhà chị Lê Thị Hương T2 rủ chị T2 đi mua đồ thì chị T2 đồng ý. Trên đường đi, N kể cho T2 nghe chuyện giữa N và T, do chị T2 có quen biết với T nên N rủ T2 đi gặp T nói chuyện cùng mình thì chị T2 đồng ý.

Khi tới khu vực lô cao su thuộc ấp D, xã L, T chụp hình địa điểm gửi cho N, đồng thời gọi video cho N thì N nói “*tao đang bên xe chạy vô*”. Trong lúc Trần đợi Ngân tới, thì anh T4 có gọi điện thoại hỏi T đi đâu, T nói đi gặp chị N nói chuyện, do biết trước đó giữa T và N đã xảy ra đánh nhau nên anh T4 nói sẽ báo cho ông T1 biết, nghe vậy Trần tắt máy, khi này anh T4 điều khiển xe mô tô Sirius, biển số 93F1-108.92 chạy đến nhà ông T1 báo cho ông T1 biết việc T đi gặp N, rồi chở ông T1 đi tìm T để khuyên T đi về, trên đường đi ông T1 điện thoại cho T thì T nói đang ở lô cao su Làng D.

Cùng lúc này, N điều khiển xe mô tô SH Mode, biển số 93F1- 498.24 chở theo chị T2 đến dừng xe bên phần đường đối diện cách xe mô tô của T khoảng

3,95m. Khi N vừa dừng xe mô tô, chưa dựng chân chống xe thì T liền cúi xuống lấy con dao để sẵn trên ba ga xe mô tô V và cầm dao bước nhanh qua vị trí N, T2 dựng xe vung dao từ sau ra trước, từ trên xuống dưới chém 01 nhát về phía N và T2, do bị chém bất ngờ nên cả N và T2 đều giơ tay trái lên đỡ thì lưỡi dao trúng vào vùng cổ tay trái chị T2 gây thương tích, bị chém chị T2 ngồi xuống đường ôm tay, còn N vẫn chống chân để giữ xe mô tô khỏi ngã thì T tiếp tục chém tiếp 01 nhát theo hướng từ trên xuống dưới về phía N và trúng vào vùng mặt mu bàn tay trái của N. Do hoảng sợ nên N bước xuống xe mô tô làm xe ngã xuống đường rồi bỏ chạy vào lô cao su. Sau khi bị chém, chị T2 và N đã được người dân đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 219/2021/TgT ngày 04/7/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận đối với thương tích của chị Lê Thị Thúy N:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy hở chỏm đốt 1,2 ngón I bàn tay trái đã phẫu thuật còn dụng cụ kết hợp xương, cứng khớp đốt 1-2. Sẹo kích thước 6 x 0,2cm gọn.
- Gãy chỏm xương bàn II bàn tay trái đã phẫu thuật còn dụng cụ kết hợp xương (sẹo kích thước 6 x 0,2cm lồi gọn) hạn chế gấp ngón II.
- Sẹo căng – cổ tay trái mặt trước trong dọc kích thước 12 x 0,4 cm và 3 x 0,3cm lồi

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Thị Thúy N hiện tại là: **20%** (hai mươi phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 218/2021/TgT ngày 31/12/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận đối với thương tích của chị Lê Thị Hương T2:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương cổ bàn tay trái đứt bó mạch thần kinh trụ, thần kinh giữa, đứt gân gấp nông ngón II → V, đã phẫu thuật nối gân thần kinh, di chứng hạn chế gấp duỗi cổ tay trái, co rút đốt 2-3 ngón II → V, mất cảm giác ngón II → V. Sẹo cổ tay trái kích thước 8 x 0,4cm và 7 x 0,3cm rúm dính.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Thị Hương T2 hiện tại là: **24%** (hai mươi bốn phần trăm).

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T 05 (năm) năm tù. Thời gian tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/5/2022 đến ngày 15/12/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/3/2023 bị hại Lê Thị Hương T2 kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt tù của Vũ Nguyễn Huyền T từ 08 năm tù trở lên, đồng thời đề nghị điều tra làm rõ vai trò ông Vũ Hồng T1, Nguyễn Thị Vân A, Bạch Thị Thùy M, hung khí vụ án.

Ngày 31/3/2023 bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Lê Thị Hương T2 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; xem xét vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn T3, Vũ Hồng T1, Nguyễn Thị Vân A và Bạch Thị Thùy M; xem xét lại hung khí bị cáo dùng để gây án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T, bị hại Lê Thị Hương T2 được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nhận định cụ thể:

Do bức tức vì bị N đánh nên tối ngày 05/5/2021 T chủ động hẹn gặp N để giải quyết mâu thuẫn tại khu vực lô cao su Làng D thuộc ấp D, xã L, huyện L. Sáng ngày 06/5/2021, khi đi T mang theo hung khí là 01 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, dài 60cm bỏ dưới бага xe mô tô, khi N vừa chở T2 tới trong lúc N đang dựng chân chống xe mô tô thì ngay lập tức T dùng dao chém về phía N, T2, chỉ T2 đưa tay lên đỡ nên trúng vào cổ tay trái của T2, bị cáo tiếp tục dùng dao chém về phía Ngân trúng mặt mu bàn tay trái gây thương tích. Giữa bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn nghiêm trọng nhưng ngay khi N chở T2 đến điểm hẹn để giải quyết mâu thuẫn thì bị cáo dùng dao chém gây thương tích cho T2 24% và N 20% nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T xin giảm nhẹ hình phạt, kháng cáo của bị hại Lê Thị Hương T2 đề nghị tăng hình phạt hoặc điều tra lại vụ án do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, chưa làm rõ hung khí trong vụ án thấy rằng:

[3.1] Chị T2 cho rằng khi bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội thì có Bạch Thị Thùy M, Nguyễn Thị Vân A, ông Vũ Hồng T1, Nguyễn Văn T3 đã đứng chờ sẵn và ông T1 là người hô “chém chết mẹ nó đi” nên hành vi M, Vân A, ông T1 có dấu hiệu đồng phạm với T về tội “có ý gây thương tích”.

Xét thấy, trước đó sáng ngày 05/5/2021 giữa T, Vân A có mâu thuẫn với N, bị N đánh nên tối ngày 05/5/2021 T bức tức chủ động nhắn tin hẹn giải quyết mâu thuẫn với N, sáng ngày 06/5/2021 khi gặp M, Vân A tại quán cafe “5555” Trân và M thừa nhận là T có kế cho M, Vân A nghe việc T mâu thuẫn với N, hẹn N nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và nhờ M, Vân A đi cùng. M cũng thừa nhận khi đi có thấy T mang theo hung khí là con dao nhưng M đã can ngăn thì T nói chỉ đem theo phòng hờ, và T chỉ nhờ M đi theo để nói chuyện. Căn cứ lời khai bị cáo T, bị hại N, T2 và những người liên quan trong vụ án, biên bản thực nghiệm điều tra đều thể hiện khi N, T2, T gặp nhau các bên chưa có lời nói qua lại, chị N đang dựng chân chống xe (tức vừa tới điểm hẹn) thì ngay lập tức T lấy con dao để dưới бага xe bước tới chém về phía N và T2, hành vi của T mang tính bộc phát, nằm ngoài ý chí của M, ông T1, anh T3. Sau khi chém xong, T vứt dao, thì ông T1, chị M, anh T3 ngăn T lại rồi chở T đi về. Mặc dù, chị T2 cho rằng sau khi chém xong thì ông T1 có hô “chém chết mẹ nó đi” nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, ông T1 cho rằng việc ông có mặt tại hiện trường là để can ngăn Trân đánh nhau, ông không hô hào hay có lời lẽ kích động T thực hiện hành vi phạm tội. Lời khai của T xác định T không bàn bạc, hay nhờ ai giúp sức, không ai kích động tinh thần của T, việc T gây thương tích cho N, T2 là do thấy đi cùng N, T2 còn có nhiều người nên bị cáo mới tự mình lấy dao ở бага xe thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không có căn cứ chứng minh M, ông T1 và anh T3 có vai trò đồng phạm giúp sức cho T phạm tội. Đối với Vân A do quá trình điều tra, truy tố, xét xử Vân A đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Đối với kháng cáo yêu cầu làm rõ hung khí của bị hại T2 thấy rằng: Sau khi gây án, T đã vứt bỏ hung khí, Cơ quan điều tra đã thực hiện hết các biện pháp xác minh, truy tìm nhưng không thu hồi lại được. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng đều xác định T là người dùng con dao có đặc điểm như các bên miêu tả để gây thương tích cho N và T2. Hội đồng xét xử thấy rằng việc không thu hồi được con dao cũng không làm thay đổi bản chất vụ án hay chứng minh tội phạm nên kháng cáo đề nghị hủy bản án của bị hại Trà đề điều tra làm rõ hung khí, và xem xét vai trò đồng phạm của M, ông T1 và anh T3 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo T thấy rằng:

Hành vi bị cáo T rõ ràng thể hiện tính côn đồ, chỉ vì mâu thuẫn trước đó với N mà bị cáo đã chủ động nhắn tin hẹn gặp T, chuẩn bị hung khí là con dao,

khi N đang chống xe cách Trần khoảng 3,95m, tư thế bị động chưa có sự phòng bị thì bị cáo ngay lập tức dùng dao chém 01 nhát về phía Trà, 01 nhát về phía N rồi bỏ đi, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ”; “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đây là những tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do bản thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại, bị cáo đang nuôi con nhỏ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án đầu khung 05 năm tù là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo T, kháng cáo tăng nặng hình phạt của bị hại Trà là không có căn cứ chấp nhận

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T phải chịu 200.000 đồng; bị hại Lê Thị Hương T2 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt hoặc hủy án điều tra lại của bị hại Lê Thị Hương T2.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T 05 (năm) năm tù. Thời gian tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/5/2022 đến ngày 15/12/2022.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Nguyễn Huyền T phải chịu 200.000 đồng; Bị hại Lê Thị Hương T2 không phải chịu

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA huyện L;
- CQTHAHS CA huyện L;
- CQĐT CA huyện L;
- CQCSĐT CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo; Bị hại
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhum